

BẢN TUYÊN NGÔN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỶ VÀ CÔNG NGHIỆP NHẹ: MỘT SÁCH LƯỢC DÀNH CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG CÁC NƯỚC CÓ THU NHẬP THẤP

Hình T. Dinh* - Van Can Thai ** - Khanh T. Tran***
Trần Văn Phong dịch

LỜI GIỚI THIỆU:

Bản tuyên ngôn Thiên Niên Kỷ và các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) đã gây sự chú ý của tất cả mọi người, từ các nhà hoạch định chính sách đến công dân bình thường, về chính sách cụ thể với những mục tiêu xóa đói giảm nghèo trong một thời gian cụ thể. Những mục tiêu này đã chuyển mô hình phát triển kinh tế từ sự phát triển khả năng sản xuất của một xã hội(khả năng có thể tự đặt mục tiêu và con đường để đạt mục tiêu), chẳng hạn như chuyển đổi kinh tế, đến một sự đồng thuận toàn cầu về chỉ tiêu cụ thể về giảm nghèo. Ưu điểm của phương pháp này chỉ phụ thuộc vào sự đồng thuận giữa nhiều quốc gia khác nhau về sự cần thiết có những chính sách và hành động chính trị cụ thể nhằm dẫn đến việc đạt mục tiêu.

(*)World Bank, Washington, D.C.; **Consultant, International Monetary Fund, Washington, DC;***CEO, (Ngân Hàng Thế Giới, Washington DC; **Chuyên Viên Tư Vấn, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Washington, DC

AMI Environmental, Henderson, Nevada, USA(Dịch Vụ Tư Vấn Môi Trường, Henderson (Nevada)

Bản 1: Tiến Trình Của Mục Tiêu Phát Triển Thiên Niên Kỳ kể từ năm 2013, Xóa Tan Nạn Nghèo Đói Cùng Cục

Mục Đích & Mục Tiêu	Phi Châu		Á Châu			Mỹ Latin & Vùng Biển Caribe		Caucasus & Trung Á
	Bắc	Nam-Sahara	Đông	Đông Namt	Nam	Tây	Châu Đại Dương	
Giảm Nghèo Cùng Cục Phân Nửa	Ít Nghèo	Rất Nghèo	Khá Nghèo	Khá Nghèo	Rất Nghèo	Ít Nghèo	Rất Nghèo	Ít Nghèo
Hiệu Năng & Phúc Lợi	Thâm Hụt Lớn	Thâm Hụt Rất Lớn	Thâm Hụt Lớn	Thâm Hụt Lớn	Thâm Hụt Rất Lớn	Thâm Hụt Lớn	Thâm Hụt Lớn	Thâm Hụt Vừa
Giảm Đói Còn Phân Nửa	Nạn Đói Thấp	Nạn Đói Rất Cao	Nạn Đói Vừa	Nạn Đói Vừa	Nạn Đói Cao		Nạn Đói Vừa	Nạn Đói Vừa

Source: United Nations 2013b.

Bản 2: Những Xu Hướng Dân Số Khái Quát Trong Các Nước Chậm Phát Triển, 1980-2011

Chỉ Thị	1980	1990	2000	2011
Dân Số, Triệu	389.9	510.1	658.4	843.7
Dân Số Tăng % Mỗi Năm	2.7	2.7	2.4	2.2
Tuổi Thọ, Năm	48.5	51.1	53.2	58.4
Tỷ Lệ Sinh Sản Của Mỗi Phụ Nữ	6.5	6.0	5.3	4.5
Tỷ Lệ Người Già Hoặc Trẻ em Phụ Thuộc Vào Người Lao Động	92.0	91.4	86.7	78.1
Tỷ Lệ Tham Gia Lực Lượng Lao Động, % Dân Số 15+ Tuổi	—	74.2	73.2	73.9
Điều chỉnh Tỷ Lệ Đăng Ký Vào, Trường Tiểu Học, % Học Sinh Tuổi Tiểu Học	52.9	52.7	59.1	79.8
Tỷ Lệ Học Xong Tiểu Học, % Nhóm Tuổi Thích Hợp	36.1	40.8	45.8	63.7
Tỷ Lệ Ghi Tên Học, Trường Trung Học, %	12.8	14.7	23.0	32.3
Tỷ Lệ Biết Viết & Đọc Của Giới Trẻ, % Của Dân Số Tuổi Từ 15–24	—	56.7	65.2	72.4

Source: UNCTAD 2013.

Note: Dữ liệu năm 2011 là dữ liệu mới nhất..

Nhưng tính linh động của sự tiếp cận này có nghĩa là vẫn có một lỗ hổng về mặt hướng dẫn các nhà chính trị của các quốc gia có thu nhập thấp về việc lựa chọn một sách lược phát triển thích hợp để đạt mục tiêu (2). Trong trường hợp và có thể là do sự yếu kém, nhiều nước có thu nhập thấp đã mất tự chủ trong tiến trình phát triển. Lý do này cùng với sự thất bại của một số lớn quốc gia nhằm tiến đến Mục Tiêu Phát Triển Thiên Niên Kỷ đã gợi lên vài chỉ trích với vấn đề được đặt ra là sự thống nhất này là một sự mặc cả với ma quỷ vì có sự trao đổi giữa lợi ích nhằm đạt đến mục tiêu và cái giá của sự hy sinh (ví dụ, xem Fukuda-Parr 2013; Gore 2010).

Trong bối cảnh của bài này, chúng tôi chứng minh rằng sự mặc cả với ma quỷ không nên được bàn đến nếu sự thiết lập sách lược dựa trên các nước có thu nhập thấp là một sách lược xứng đáng dựa trên việc tạo công ăn việc làm, đặc biệt là sự phát triển cơ sở sản xuất nhẹ ví dụ như công nghiệp dệt và may mặc, chế biến sản phẩm nông nghiệp, các loại hàng bằng da và nghề mộc. Sách lược này phù hợp với Mục Tiêu Phát Triển Thiên Niên Kỷ vì hàng hóa được sản xuất trong lĩnh vực này có liên hệ trực tiếp đến nhu cầu của nhân loại về thực phẩm, quần áo, nhà cửa và việc sản xuất các loại hàng này tạo được công ăn việc làm hiệu quả cho các nước nghèo. Hơn nữa nhằm đi ngược lại một quan niệm khá phổ biến trước đây, chúng tôi cho thấy rằng việc tạo công ăn việc làm có hiệu quả phải là một tiến trình tự kết thúc ở chính nó, chứ không có nghĩa là phương tiện để đạt những mục tiêu khác. Dựa trên một loạt sách nói về đề tài này, chúng tôi đã xét lại vai trò sản xuất trong tiến trình công nghệ hóa và làm thế nào và tại sao rất nhiều quốc gia có thu nhập thấp không thành công trong nỗ lực này và thất bại trong việc đạt tới mục tiêu giảm nghèo cũng như Những Mục Tiêu Phát Triển Thiên Niên Kỷ.

Những quy tắc thích hợp được yêu cầu như là một phần của sách lược này để đảm bảo rằng những công nghiệp nhẹ có khả năng bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của công nhân và giúp bảo tồn môi trường. Nếu được thực hiện với thái độ biết suy nghĩ, hợp với đạo đức, cùng với những hành động phù hợp với lời Phật dạy (Bát Chánh Đạo), sách lược này có tiềm năng mang đến hạnh phúc và phẩm cách cho hàng triệu người nghèo và xoa dịu khổ đau cho họ (Tứ Diệu Đế), trong khi đó còn có thể giảm thiểu việc sử

dụng tài nguyên thiên nhiên và ảnh hưởng thiên tai.

Tóm lại sách lược này sẽ hỗ trợ cho các nước nghèo đạt đến Những Mục Tiêu Phát Triển Thiên Niên Kỷ nhanh nhất và có phẩm cách nhất.

MÔ HÌNH MDG

Bản Tuyên Ngôn Thiên Niên Kỷ Của Liên Hiệp Quốc nói rằng mọi người có trách nhiệm đề cao nhân phẩm, bình đẳng và công bằng toàn cầu. Bản tuyên ngôn trở nên thực thi qua việc chọn tám điểm trong bản Tuyên Ngôn Mục Tiêu Thiên Niên Kỷ (1) xóa bỏ nạn nghèo nàn đói rách cùng cực (2) đạt đến trình độ giáo dục sơ cấp toàn cầu (3) Thúc đẩy bình đẳng giới tính và trao nhiều quyền lực hơn cho phụ nữ, (4) giảm tỷ lệ tử vong trẻ em, (5) cải tiến y tế sinh sản, (6) chống các bệnh HIV/AIDS, sốt rét, và những chứng bệnh khác, (7) bảo đảm sự tồn tại lâu dài của môi trường, (8) Thiết lập chương trình đối tác toàn cầu nhằm phục vụ phát triển (Liên Hiệp Quốc 2000).

Theo Báo Cáo Mục Tiêu Phát Triển Thiên Niên Kỷ Năm 2013 “(Liên Hiệp Quốc 2013a), mục tiêu thứ nhất là mục tiêu duy nhất đã đạt được. Tuy nhiên đây cũng có thể sai. Dù rằng tỉ lệ những người sống dưới \$1.25 mỗi ngày (đây là những người thật sự bần cùng) được giảm hơn phân nửa kể từ năm 1990, con số thật vẫn được tiếp tục tăng lên vì dân số tăng cao. Hơn nữa, nhiều mục tiêu phụ của mục tiêu 1 sẽ không đạt được, bao gồm mục tiêu việc làm có hiệu quả và phúc lợi của công nhân (bản 1).

Trong những lĩnh vực khác, các quốc gia có thu nhập thấp đã đầu tư đáng kể vào giáo dục. Thêm vào đó, tỷ lệ ghi danh thực vào trường tiểu học được gia tăng hơn 25% trong vòng hơn hai thập kỷ qua, đạt đến 80% vào năm 2011, và tỷ lệ đăng ký vào trường trung học được tăng lên 32% (Bản 2). Sự phát triển này được xem như khả quan, nhưng, dù rằng sự giảm nghèo được giảm một nửa và đầu tư vào lĩnh vực giáo dục được đẩy mạnh, dân số vẫn tiếp tục tăng, có nghĩa là triển vọng về công ăn việc làm vẫn không ổn. Tại Ethiopia, chúng tôi nhận thấy có khoảng 1.4 triệu người mới được gia nhập vào lực lượng lao động vào năm 2005, và số lượng này hy vọng được tăng đến 3.2 triệu vào năm 2050. Tại Bangladesh có 2.9 triệu người mới gia nhập vào lực lượng lao

động vào năm 2005, và số lượng này được kỳ vọng sẽ tăng đến 3.1 triệu vào năm 2020 trước khi bắt đầu giảm xuống. Sự việc này thể hiện số lượng việc làm có hiệu quả và trong điều kiện tự do, bình đẳng, an toàn và nhân phẩm được tôn trọng và sinh kế cần phải được thiết lập trong các quốc gia này. Nếu mục tiêu trên không đạt được thì tỷ lệ nghèo đói và di cư quốc tế sẽ gia tăng (UNCTAD 2013).

Mặc dù có sự tiến bộ điều đặn trong mọi lĩnh vực, Liên Hợp Quốc không tin rằng mục đích 2-8 sẽ đạt được vào năm 2015 nếu xu hướng hiện tại vẫn còn duy trì. Trong vài trường hợp, những khu vực đặc trưng cần có những hành động có mục đích (mục đích 3), trong khi đó những khu vực khác, biện pháp phòng ngừa cần được bảo đảm. (mục đích 6&7) (Liên Hiệp Quốc 2013a).

Bản báo cáo này đúng với bản tường trình của Gore(2013,73) nói rằng “Hầu hết những mục tiêu đạt được tùy thuộc trước nhất vào mức độ sẵn sàng của ngành phục vụ công cộng. Gore tin rằng

nhằm đạt được mục tiêu như MDG, cần có sự phối hợp giữa sự gia tăng thu nhập tư nhân (dựa trên việc làm có hiệu quả), như đã chứng tỏ trong bài này, cũng như cải thiện việc tiếp cận với dịch vụ công cộng (chẳng hạn giáo dục, y tế, nước, vệ sinh). Bản chỉ thị về nạn nghèo đói phản ánh tiến trình thực hiện tăng trưởng kinh tế. Mức tăng trưởng thật sự trong tổng sản lượng nội địa (GDP) của các quốc gia có thu nhập thấp đạt đến mức 4.5% trong năm 2011 và 5.3% trong năm 2012. Tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp cho mỗi đầu người thuộc tổng sản lượng nội địa (GDP) đã giảm từ 31.4% trong năm 1999-2001 đến 25.6% trong năm 2009-11. Tỷ lệ chia sản phẩm công nghiệp cho mỗi đầu dân được cho là như cũ, khoảng 10% GDP, trong khi đó tỷ lệ trung bình trong lĩnh vực phục vụ có phần suy giảm. Nói tổng quát hơn, theo chiều hướng phát triển này thì các nước có thu nhập thấp theo từng nhóm trong khoảng thời gian từ năm 1999-2009 được cho là có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trong những thập niên qua, có sự thay đổi rất ít về mặt cấu trúc nhằm đưa đến sự tăng trưởng mạnh về mặt sản phẩm, thu nhập, cường độ kỹ thuật, trị giá cộng thêm cao (sản phẩm bán ra kèm theo quà tặng) (Theo UNCTAD 2013).

Trước khi thiết lập MDG, hội đồng phát triển có tranh luận kịch liệt

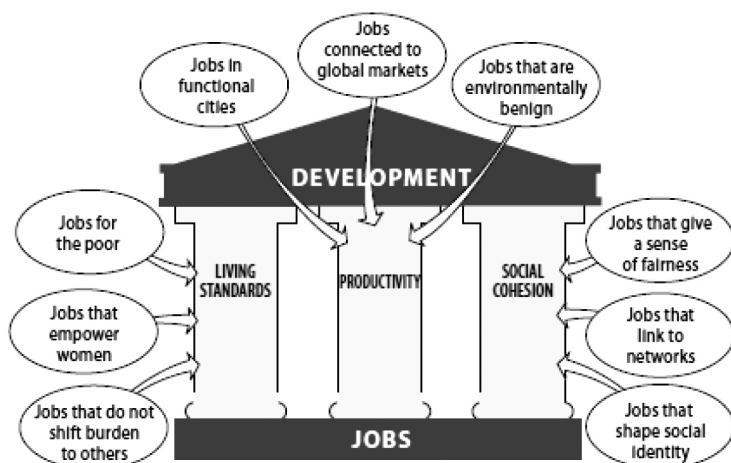
về ý nghĩa của sự phát triển kinh tế và phương pháp tốt nhất để đạt được sự phát triển đó. Những người ủng hộ hành động của chính phủ tích cực cùng những người cùng phe đảng trong năm 1960 và 1970 thấy được hậu quả tàn khốc trong việc khai thác một sách lược dựa trên chính sách can thiệp. Trong bối cảnh này vì vậy đã tạo điều kiện cho việc tiếp cận với kinh tế thị trường (Washington Consensus) do đó, sự ổn định hóa kinh tế vĩ mô, tư nhân hóa và tự do hóa được đề cập và kinh tế thị trường được cho là có thể giải quyết tất cả vấn đề của sự phát triển. Đương nhiên sự tiếp cận với chính sách khắc khe của các nước đang phát triển mang đến sự ổn định, nhưng không duy trì được sự tăng trưởng kinh tế trong các nước có thu nhập thấp. Để đi ngược với nền tảng cơ sở này MDG đã chuyển sự tập trung của cuộc tranh luận này đến kết quả cụ thể của sự phát triển. Sự xê dịch trong phát triển dân số vốn là bắt nguồn từ sự tập trung về vấn đề làm thế nào để sự phát triển này có thể khởi xướng- hoặc làm thế nào để những quốc gia nghèo có thể phấn đấu đạt được mức độ thu nhập của các quốc gia giàu có- đến một sự tập trung vào mức độ chấp nhận tối thiểu về nhu cầu sống của con người.

Sự tiếp cận này được kết hợp với hai sự thay đổi cơ bản: thứ nhất phúc lợi cá nhân thay vì phúc lợi tập thể hiện nay là trung tâm sự chú ý, và, thứ nhì là tập trung vào kết quả thay vì đang trong hành trình đạt đến kết quả, và, vì vậy tính linh động trong các phương pháp nhằm đạt được kết quả xuất phát từ nhiều điểm khác nhau. Hai thay đổi có giá trị này được sự tán thành của các nước giàu lẫn nghèo, lớn và nhỏ trên cơ sở phát triển mục tiêu Sự phát triển kinh tế vì vậy được chuyển sang từ sự phát triển khả năng sản xuất của một quốc gia và công dân của họ đến sự đo lường sự tiến bộ so với mục đích.

Mặc Cả Với Ma Quỷ (Chọn Lợi Ích Ngắn Hạng Hiện Tại, Nhận Hậu Quả Khổ Đau Sau Đây): Mặc cả với ma quỷ có thể xảy ra vì, đối với vài sự chỉ trích, phát triển có nghĩa nhiều hơn 8 mục tiêu của MDG. Sự phát triển kinh tế, ít nhất là đối với các nước có thu nhập thấp, có nghĩa là yếu điểm quan trọng nhất của nền kinh tế này nên được công thông báo: đó là khả năng tạo ra đầy đủ việc làm có hiệu quả cho sự tăng trưởng dân số nhanh (Gore 2010) Điểm này có thể biểu hiện bằng một thí dụ đơn giản. Giả sử hai nền kinh tế giống nhau về mọi lĩnh vực và khởi đầu từ mức

Hình Minh Họa 1:

Một Số Việc Làm Cần Được Hoàn Chính Hơn Trong Tiến Trình Phát Triển



Source: World Bank 2012. (Ngân Hàng Thế Giới 2012)

phát triển như nhau. Nền kinh tế thứ nhất đạt đến MDG bằng cách tăng gia năng suất sản xuất chẳng hạn như nông nghiệp và công nghiệp, và vì vậy tạo được công ăn việc làm cần thiết cho công dân của họ, trong khi đó nền kinh tế thứ nhì đạt được kết quả nhờ viện trợ ngoại quốc. Từ cái nhìn của MDG, kết quả của cả hai nền kinh tế đều đạt mục tiêu như nhau không cần biết mục tiêu đó đạt được bằng cách nào. Song từ quan điểm của một nền kinh tế vững mạnh, nền kinh tế thứ nhất có một kết quả nhiều triển vọng hơn vì viện trợ, đặc biệt là viện trợ song phương, có thể đến và đi và luôn luôn không lường trước được như kinh nghiệm cho thấy trong vài thập niên qua. Những người có lý trí có thể đặt câu hỏi như: Cái gì xảy ra nếu lượng viện trợ tụt xuống một năm sau mục tiêu MDG đạt được, vì vậy nền kinh tế thứ hai này sẽ tụt trở lại ở mức độ phát triển tiền MDG không? Nền kinh tế thứ nhì tốt hơn khi không thực hiện theo đường lối của MDG trong giai đoạn đầu và, thay vào đó, sử dụng nguồn viện trợ để phát triển năng suất, vì vậy khi đến kỳ hạn, đương nhiên sẽ không đạt được mục tiêu theo MDG, nhưng lại có cơ hội tốt hơn để đạt mục tiêu trong những năm sau nhờ sự củng cố năng suất? Tương tự, nếu một nền kinh tế thứ ba đạt được mục tiêu theo MDG qua sự khai thác những tài nguyên thiên nhiên, ví dụ như dầu thô, vậy kết quả này có khả quan hơn kết quả của nền

kinh tế thứ nhất được trải nghiệm qua không? Câu trả lời có thể là có và không. Có nếu các tài nguyên thiên nhiên được sử dụng bằng cách nào để làm cho sự tăng trưởng trong tương lai được bền vững dù cho những tài nguyên đó bị cạn kiệt; Không nếu những tài nguyên đó được tiêu xài để khuyến khích sự tiêu thụ hiện tại. Ví dụ thứ ba gần gũi hơn đối với vấn đề thời gian, vì một thời hạn nhất định được đặt ra để đạt mục tiêu của MDG(2015), một số người thắc mắc nếu có sự đánh đổi giữa tính cấp bách để đạt được mục tiêu và việc dành thời gian lâu dài hơn để phát triển. Có người lý luận rằng, dựa trên quan điểm tăng gia phúc lợi xã hội, tốt hơn là nên tạm ngưng việc đạt các chỉ tiêu trong vài năm nhằm mang đến thu nhập cần thiết để cho sự phát triển được lâu bền. Sự việc này thực ra tốt hơn việc đạt mục tiêu nhưng không bền vững, và vì vậy khi viện trợ hoặc lượng hỗ trợ tài nguyên thiên nhiên ít lại, việc phát triển kinh tế sẽ tuột trở lại và không đạt được tiêu chuẩn của MDG.

Tạo Công Ăn Việc Làm : Tuy nhiên việc mặc cả với ma quỷ có thể tránh được nếu việc tạo công ăn việc làm có năng suất được công nhận rõ ràng như là một kết quả đạt được như mong muốn của chính nó chứ không phải là biện pháp để đạt những kết quả khác: nói cách khác, nếu việc tạo ra công ăn việc làm có sinh lợi được định nghĩa rõ ràng như là một mục tiêu của MDG. Thực tế, càng ngày càng cho thấy sự tiến bộ kinh tế đóng một vai trò rất quan trọng trong tiến trình đạt mục tiêu lâu dài của MDG. Đây là lý do tại sao việc làm có hiệu quả và công việc thỏa đáng được thêm vào như là một mục tiêu phụ của MDG kỳ một trong năm 2007(ILO 2012))(Tổ Chức Lao Động Quốc Tế). Ngay cả sau mục tiêu năm 2015 đạt được, công ăn việc làm trên cơ bản sẽ tiếp tục đạt được ba cột trụ phát triển bền vững, đó là -về kinh tế, xã hội và môi trường. (Báo Cáo Phát Triển Quốc Tế Năm 2013)(Ngân Hàng Quốc Tế) (*World Development Report*) 2013 to jobs (World Bank 2012).

Trong khi những kinh tế quy ước nhìn nhận vai trò quan trọng của công việc, thì lại quan niệm rằng công việc và giải trí là sự bổ sung cho nhau. Vì vậy một người làm việc chỉ để kiếm tiền, tối đa hóa sự vị lợi bằng cách giảm thiểu hóa công việc và tối đa hóa hưởng thụ. Tuy nhiên trong thực tế thì, một việc làm có nghĩa nhiều hơn là thu nhập (hình minh họa 1). Nó có thể kết hợp với địa vị xã hội, sự tự tôn và nhân phẩm giữa những

cá nhân và gia đình. Từ cái nhìn của một cá nhân, có công ăn việc làm thì cũng vẫn tốt hơn việc ngừng tay đợi sự ban bố dù đó là từ chính phủ hay từ lòng từ thiện. Đây có nghĩa là ảnh hưởng thu nhập của việc quyết định cung cấp lao động mang tính tích cực hơn là tiêu cực như thường được xác nhận, và ảnh hưởng của sự bù đắp có thể là con số không. Marshall có nói (1920:117) rằng “có thể sau khi người ấy (công nhân) đã thất nghiệp một thời gian, họ có thể, hiểu theo tính thụ thái tức thời của họ, chọn giải pháp làm không hơn là không làm gì hết. Báo Cáo Phát triển Thế giới báo cáo rằng “ngoài sự đóng góp cơ bản và tức thời của họ đến thu nhập, công việc cũng ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe, trong đó bao gồm tinh thần và thể xác” (Ngân Hàng Thế Giới 2012, 10) (World Bank)

Tổ Chức Lao Động Quốc Tế (International Labour Organization ILO) là một cơ quan có chủ trương mạnh trong cho khái niệm điểm tập trung công việc. Sinanzenji Chuma-Mkandawire là giám đốc Văn Phòng Quốc Gia của Nigeia, Gambia, Ghana, Liberia và Sierra Leone gần đây có nói là: Việc phân phối công ăn việc làm cân xứng là cơ sở của sự phồn thịnh bền vững và lớn mạnh, sự hòa nhập và hài hòa xã hội. Nơi nào công ăn việc làm khan hiếm hoặc kìm hãm sinh nhai làm cho người trong gia đình sống trong nghèo nàn thì nơi đó ít tăng trưởng, ít an toàn và ít phát triển về người và kinh tế “(Daily Independent 2013). Ngoài ra, khi nói đến sự cần thiết về công ăn việc làm có hiệu quả, các quốc gia phải nhằm vào sự thay đổi kết cấu để di chuyển khỏi năng suất nông nghiệp thấp và lĩnh vực không chính thức đến những hoạt động có năng suất cao hơn. Sự thay đổi này sẽ giảm việc tùy thuộc của một quốc gia vào sản lượng hàng hóa, tăng gia năng suất và có thể dẫn đến một sự phát triển vững mạnh.

Nguyên văn của Bản Báo Cáo Thiên Niên Kỷ Liên Hiệp Quốc, dưới tiêu đề của sự phát triển và sự xóa bỏ nghèo đói, có nói “chúng ta đồng thời giải quyết... để phát triển và thực hành những chiến lược mang đến cho giới trẻ ở bất cứ nơi nào một cơ hội thật sự để tìm công việc thỏa đáng và có hiệu quả (Liên Hiệp Quốc 2000). Là người lèo lái chính trong việc làm cho nền kinh tế tăng trưởng và tạo công ăn việc làm, lĩnh vực tư nhân là cột trụ trong vai trò giảm nghèo. Tuy nhiên nhiều các quốc gia phát triển, phần đông dân chúng đối diện với trở ngại trong sự bắt đầu hoặc khuếch trương các hoạt động công nghiệp. Một số ít cơ sở kinh doanh nhỏ

và vi-kinh doanh có khả năng trở thành những cơ sở kinh doanh nhỏ và trung bình vững chắc và có khả năng đáp ứng được với những cơ hội có thể có trong lĩnh vực xuất khẩu và kinh tế toàn cầu.(UNIDO 2009)

LÀM THẾ NÀO ĐỂ TẠO CÔNG ĂN VIỆC LÀM ?

Trong khi hầu như mọi người đồng ý về tầm quan trọng trong việc tạo công ăn việc làm thì có rất ít sự chỉ đạo từ các chính trị gia về việc làm thế nào để tạo công ăn việc làm.Theo Báo Cáo Phát Triển Thế Giới 2013 (World Development Report 2013) công nhận rằng thử thách về công việc làm không phải ở đâu cũng như nhau.Tạo công ăn việc làm có thể là mục tiêu toàn cầu, nhưng các loại công việc có thể đóng góp vào sự phát triển nhất tùy vào bối cảnh của quốc gia.Những công ăn việc làm liên kết kinh tế với thế giới có thể là vấn đề đối với vài trường hợp, nói cách khác lương thanh toán lớn nhất có thể là cho những công ăn việc làm có khả năng làm giảm nghèo hoặc làm lắng dịu xung đột Chắc chắn là mức độ phát triển chính là vấn đề (Ngân Hàng Thế giới 2012,17) (World Bank 2012,17).

Trong một loạt sách và các bài báo,chúng tôi xác định rằng, đối với các quốc gia có thu nhập thấp,công nghiệp nhẹ với số vốn nhỏ,quy mô kinh tế hạn chế, kỹ thuật có sẵn,và khả năng bán ra được thị trường nội địa và quốc tế vẫn là một tiềm năng như là một dằm nhún và là một nguồn hy vọng tốt nhất để khuếch trương sản phẩm,công ăn việc làm,năng suất,và xuất khẩu.Bằng cách tận dụng khối lớn công nhân lương thấp, lực lượng lao động có tay nghề thấp cũng như việc khai thác những tài nguyên phong phú, công nghiệp nhẹ là một tiềm năng to lớn trong việc làm cho sự tăng trưởng bền vững trở thành sự thật.Trong vài trường hợp, việc này có thể yêu cầu các chính phủ tháo bỏ những luật lệ cấm đoán phức tạp để cho các cơ sở công nghiệp nhẹ có thể phát đạt.Trong 20 năm qua, công nghiệp nhẹ được xem là một bàn đạp rất quan trọng trong việc chuyển hóa kinh tế thành công trong các nước đang phát triển(ví dụ Trung Quốc, Mauritius,Vietnam, và những con cọp Châu Á).Một khi tăng trưởng, các cơ sở công nghiệp nhẹ sẽ thu nhập và dự trữ ngoại tệ,cung cấp lương cao hơn cho số lượng lớn công nhân bán thất nghiệp, phát triển kỹ thuật mới cũng như kỹ năng quản lý.Thêm vào lợi thế của lực lượng lao động lương thấp,các quốc gia có thu nhập thấp, đặc biệt là các quốc gia trong vùng hạ

Sahara Châu Phi có cơ hội tận dụng sự cạnh tranh (hoặc tiềm năng cạnh tranh) về tài nguyên sản xuất nội địa (ví dụ như nông phẩm, da và gỗ) để phát triển cạnh tranh về công nghiệp nhẹ. Việc sản xuất từ lâu nay được công nhận là một guồng máy của sự tăng trưởng trong các quốc gia công nghệ. Định luật thứ nhất của Kaldor về tăng trưởng kinh tế chỉ rõ “nhịp độ tăng trưởng trong lĩnh vực sản xuất càng nhanh, nhịp độ tăng trưởng GDP (Tổng sản lượng nội địa) cũng tăng nhanh theo đó... dựa trên những lý do kinh tế căn bản liên hệ với việc thúc đẩy tăng trưởng năng suất trong và ngoài lĩnh vực sản xuất” (Thirwall 1983, 345). Trong một nghiên cứu về tăng trưởng kinh tế trong các nước phát triển, Kuznets (1959) ghi nhận sự phát triển kinh tế hiện đại được biểu thị đặc điểm bằng sự tăng trưởng sản lượng lâu dài, nhanh lại trùng hợp với sự di dời thành phần sản phẩm khỏi nông nghiệp và đi vào sản xuất. Ngay cả trong các nước phát triển nơi sự phân bố sản xuất hàng hóa và việc làm được cho là tri triệ hoặc giảm sút, nhưng có bằng chứng cho thấy là công nghiệp sản xuất bao hàm những kết nối sản phẩm với các lĩnh vực khác và truyền đạt kỹ năng sản xuất nhiều hơn so với các lĩnh vực phi công nghiệp. Một cuộc nghiên cứu của Bộ Thương Mại Mỹ (1995) về ảnh hưởng của những thay đổi trong nhu cầu cuối của dòng sản phẩm và phục vụ trong phạm vi và giữa các nền công nghiệp cho thấy rằng công nghiệp sản xuất có tỷ lệ hoạt động cao hơn nhiều so với lĩnh vực phi công nghiệp; công nghiệp sản xuất khai thác nặng nề vào công nghiệp phi sản xuất hơn là ngược lại, và tổng sản lượng mỗi đơn vị của nhu cầu cuối cùng (mức độ chi tiêu kinh tế địa phương) của công nghiệp sản xuất cao hơn phi công nghiệp. Công nghiệp nhẹ như may dệt, chế biến nông nghiệp, bảo quản thịt và cá và đóng gói, vật làm bằng da và công nghiệp chế biến gỗ, được cho là biểu tượng dẫn đầu trong quá trình công nghiệp hóa từ cổ chí kim. Tại sao? Có nhiều lý do, trong đó bao gồm những nguyên liệu thô có sẵn và nhân công, nhu cầu thực phẩm và quần áo toàn cầu, tính đơn giản và phổ biến rộng rãi của những thuật liên quan, giới hạn yêu cầu vốn đầu tư và tay nghề cùng sự vắng mặt của kinh tế quy mô. Những trường hợp này là nền tảng của những sự khởi đầu nho nhỏ của những công nghiệp nhẹ không cần kiến thức kỹ thuật sâu xa, không cần tài chánh quy mô, hoặc những thiết bị phức tạp. Trong nhóm các quốc gia công nghiệp hóa sớm việc tăng trưởng tự thân (Khuếch trương cơ sở kinh doanh ở nhiều địa điểm khác

không phải mua lại hoặc sát nhập) là động lực của sự chuyển tiếp dần dần, trong khi đó những người kinh doanh có tài (may mắn) đã thành công để vượt qua các đối thủ sản xuất quy mô nhỏ và gây dựng công ty của họ để trở nên hoạt động quy mô, được đầu tư tốt, và hiện đại dẫn tới việc thiết lập mạng lưới phân phối hàng hóa nội địa và quốc tế. Họ hoàn thành được điều này nhờ vào sự sớm ý thức được lợi thế của sự so sánh tiềm năng trong các lĩnh vực của công nghiệp nhẹ trong đó

chuỗi liên tục của sự gia nhập dễ dàng, tăng trưởng tự nhiên và sự nổi lên dần dần của các nhà sản xuất lớn và hiện đại đã đưa công nghiệp nhẹ trở thành một yếu tố quan trọng trong lịch sử phát triển của các quốc gia giàu có hiện nay. Nước Anh đã đi tiên phong trong tiến trình dài của sự tăng trưởng của nền kinh tế hiện đại, như Kuznets (1971) từng mô tả. Công việc kế tiếp, theo Syrquin và Chenery (1989, 82) xác nhận rằng “nét đặc trưng của việc chuyển đổi, xác định bởi Kuznets là cốt lõi của tăng trưởng kinh tế hiện đại dựa trên kinh nghiệm phát triển theo trình tự lâu dài của các nước tiên tiến, rõ ràng có thể được thấy với chuỗi thời gian ngắn hơn trong một số lớn các nước đang phát triển.” (Xin đồng thời xem Chenery và Syrquin 1975).

Tất cả những ảnh hưởng gom lại của thời kỳ Đại Khủng Hoảng, Đại Nhị Thế Chiến, và sự tăng trưởng nhanh chóng của Liên Bang Xô Viết dưới hình thức những chính sách gần như chủ quyền tuyệt đối đã thuyết phục các nhà kinh tế và chính trị gia rằng các quốc gia có thu nhập thấp không thể cạnh tranh có hiệu quả với các nước phương Tây trong việc sản xuất hàng hóa công nghiệp. Hệ quả là những quốc gia nghèo chỉ có thể công nghiệp hóa bằng cách dựa vào nhu cầu nội địa được kích lệ bằng những chính sách kinh tế hướng nội thay thế nhập khẩu hàng hóa từ hải ngoại bằng những sản phẩm nội địa trong các quốc gia này.

Quan niệm này cho thấy là sai lầm. Dẫn đầu là Đài Loan, sự thành công của những nền kinh tế có thu nhập thấp, đa số là tại Đông và Đông Nam Á, cho thấy tại sao việc xuất khẩu, đặc biệt là các cơ sở công nghiệp nhẹ có thể nhanh chóng vượt qua tăng trưởng kinh tế trong sản xuất, thu nhập, công ăn việc làm, năng suất và xuất khẩu rộng rãi hơn. Giữa năm 1965 và 1990, tổng thị phần xuất khẩu toàn cầu của Hong Kong, Đại Hàn, Singapore, Đài Loan nhảy vọt từ 3% đến 9% và thị phần xuất khẩu đối

với các nền kinh tế đang phát triển tăng từ 12% đến 46% (Ngân Hàng Thế Giới 1993) (World Bank 1993).

Đà tăng nhanh trong việc toàn cầu hóa tạo nhiều cơ hội cho nhiều quốc gia có thu nhập thấp hiện tại. Tương tự như việc gia tăng giá cả sinh hoạt tại Đài Loan cũng như Hong Kong đã dọn đường cho sự nổi lên của Trung Quốc là quốc gia xuất khẩu công nghiệp nhẹ hàng đầu kể từ năm 1980.

Gia tăng giá sinh hoạt nhanh tại Trung Quốc là trung tâm hàng đầu trong công nghiệp cần sử dụng lượng công nhân nhiều, đặc biệt là công nhân không có tay nghề hiện đang mở cửa cho những người mới nhập cuộc được thiết lập cơ sở trong thị trường toàn cầu dành cho sản phẩm cấp thấp. Dòng nhập khẩu hiện tại cung cấp cho người chuẩn bị vào cuộc những chi tiết chính xác về đặc điểm hàng hóa và giá bán lẻ cần thiết để thách thức sự chèn ép của các nhà cung cấp. Một lợi ích khác nữa của việc toàn cầu hóa là sự tăng nhanh của các nhà kinh doanh tự do và các nhà cung cấp sở hữu kiến thức và nguồn vốn để hỗ trợ các nhà xuất khẩu, như đã xảy ra tại Trung Quốc vài mươi năm trước. Và bây giờ những vùng ven biển trước đây đã từng là động cơ thúc đẩy quá trình tăng vọt xuất khẩu của Trung Quốc đang nhanh chóng mất đi sức hút do các nhà xuất khẩu vải, quần áo, đồ chơi trẻ em, giày dép, và những sản phẩm cần nhiều lao động. Sự xói mòn trong cạnh tranh được tập trung ở sản phẩm cấp thấp trong phạm vi chất lượng giá cả, chính xác hơn đó là khởi điểm mà các nhà sản xuất trong các nước có thu nhập thấp có thể tìm thấy cơ hội để đánh vào thị trường quốc tế. Sự dần dà rút lui của những công ty sản xuất các sản phẩm giá thấp và kỹ thuật thấp có cơ sở tại Trung Quốc đang tạo ra những cơ hội mới cho sự bành trướng của các công nghiệp nhẹ trong các nước có thu nhập thấp.

TIỀM NĂNG CỦA CÔNG NGHIỆP NHẸ

Nhiều quốc gia đang phát triển, đặc biệt là các quốc gia Châu Phi có đầy đủ những cơ sở cần thiết cho sự cạnh tranh về công nghiệp nhẹ: lợi thế lương lao động, tài nguyên thiên nhiên phong phú đủ để bù đắp năng suất lao động thấp hơn so với đối thủ cạnh tranh lớn (ví dụ Trung Quốc), ưu tiên đi vào các thị trường của các quốc gia có thu nhập cao để xuất

khẩu,và, trong nhiều trường hợp, một thị trường địa phương hoặc khu vực đủ lớn để cho phép các nhà sản xuất mới phát triển khả năng trong phản ứng nhanh, sản xuất khối lượng lớn và kiểm soát chất lượng để chuẩn bị cho sự đột nhập vào thị trường có sự cạnh tranh xuất khẩu cao. Họ có thể hoàn thành việc này vì nhanh chóng ý thức được lợi thế tương đối tiềm tàng trong của các lĩnh vực trong công nghiệp nhẹ trong đó sự chính xác,tính khả thi,tiêu điểm nổi bật,sự can thiệp vào chính sách giá rẻ có thể mang đến sự tăng vọt sản xuất,sản phẩm,và có thể xuất khẩu, mở cửa rộng lớn để đón chào người mới nhập cuộc cũng như sự tăng trưởng. Trong những năm gần đây,bốn yếu tố đã giúp mở thị trường mới cho các công ty thuộc công nghiệp nhẹ tại Phi Châu và Á Châu :

- Nhiều tăng trưởng kinh tế nhanh đã mở rộng thị trường nội địa cho các cơ sở sản xuất trong hầu hết các nước.Thị trường mới vì vậy mang đến những cơ hội mới.

- Các nhà đầu tư ngoại quốc và các tổ chức viện trợ đang đầu tư vào các cơ sở sản xuất dành riêng cho thị trường ngoại quốc,ví dụ trong đó có Cơ Quan Hỗ Trợ Kỹ Thuật Quốc Tế Hoa Kỳ Dành Cho Nông Dân Zimbabue

- Đối với việc cạnh tranh toàn cầu thuộc các cơ sở công nghiệp nhẹ tại Tiểu Sahara –Phi Châu,thị trường là cả một thế giới.Hoa Kỳ đã thiết lập những mậu dịch ưu đãi mới dưới Đạo Luật Tăng Gia Cơ Hội Cho Người Phi Châu, cho phép những sản phẩm của các quốc gia chọn lọc thuộc khu vực Tiểu Sahara, Châu Phi ưu tiên đặc biệt nhập vào Hoa Kỳ,trong khi đó Cộng Đồng Âu Châu cũng chọn phương pháp tương tự dưới Hiệp Ước Cotonou.Những mậu dịch ưu tiên này rất cần thiết cho sự thành công trong ngành xuất khẩu Châu Phi vào thị trường toàn cầu.Nếu không có chính sách ưu đãi, các quốc gia này không cạnh tranh nổi với những quốc gia xuất khẩu có hiệu quả toàn cầu vào thị trường Cộng Đồng Âu Châu và Hoa Kỳ(World Bank 2011)

- Sự hội nhập giữa các quốc gia trong vùng thuộc Phi Châu và Đông Nam Á làm tăng gia tính thu hút của các thị trường trong vùng,ví dụ việc tham gia trong hiệp ước mậu dịch thuộc vùng đã mở đường cho việc thành lập thị trường mới cho Tanzania và Zambia.

Tiến Trình Hoạt Động Thuộc Lĩnh Vực Công Nghiệp Nhẹ Tại Phi

Châu Và Các Quốc Gia Có Thu Nhập Thấp.

Dù người ta thấy có những hiệp ước được ký lan tràn giữa các nhà kinh tế mà việc sản xuất cần nhiều công nhân đã đóng góp mãnh liệt vào sự phát triển nhanh trong các quốc gia Đông Á và những quốc gia có nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hầu hết các quốc gia đang phát triển đạt được thành công rất khiêm nhường trong việc nâng cao hợp tác sản xuất hàng hóa, công ăn việc làm, hoặc xuất khẩu (Clarke 2012; Collier 2007). Vậy, có gì không ổn ?

Từ vô số bằng chứng của các công trình nghiên cứu của chúng tôi cho thấy những hạn chế của các công ty biến đổi theo từng lĩnh vực, vì vậy, chính sách” một kích cỡ phù hợp cho tất cả “(one size fits all) không chắc là có hiệu quả. Phần lớn của sự hạn chế, cho thấy, trước hết, là việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công nghiệp nhẹ có thể bao gồm những giải pháp đặc trưng của toàn lĩnh vực khác. Giải quyết những vấn đề liên quan đến yếu tố sản xuất yêu cầu các vấn đề đặc trưng được đề cập trong nông nghiệp, giáo dục và hạ tầng cơ sở. Thứ hai, chính vì những liên kết này, các nước đang phát triển có thể không đủ khả năng để chờ đợi cho đến khi tất cả các vấn đề trên các lĩnh vực được loại bỏ. Thay vào đó, phương pháp tập trung để làm giảm tắc nghẽn và động lực cụ thể trong cải cách là cần thiết. Thứ ba, vì cấu trúc độc đáo trong lĩnh vực sản xuất nhẹ của châu Phi, các khó khăn khác đều tùy thuộc vào quy mô của doanh nghiệp. Thứ tư, một số khó khăn có thể được đề cập đến thông qua các biện pháp cấp nhà máy, những biện pháp khác chỉ dựa vào chính sách của chính phủ, và nếu vẫn còn những biện pháp khác nữa thì chỉ bằng cách tăng cường cạnh tranh.

Những Vòng Luẩn Quẩn Của Sự Nghèo Đói Cùng Cực Và Hạn Chế Công Nghiệp Hóa.

Hầu hết các nghiên cứu về công nghiệp hóa ở châu Phi cho thấy sự thiếu cơ sở hạ tầng là manh mối chính của hạn chế về tăng trưởng công nghiệp. Tuy nhiên, việc đáp ứng nhu cầu của Hạ-Sahara thuộc Châu Phi về cơ sở hạ tầng là một thách thức rất lớn và không thể đạt được trong một hoặc hai thập kỷ. Một phần của khó khăn là do sự thiếu thốn cơ sở hạ tầng của châu Phi là rất lớn vì những năm tháng bỏ mặc liên quan đến nghèo đói,

mà còn vì đặc điểm của châu lục này, trong đó có mật độ dân số thấp, tỷ lệ thấp trong đô thị hóa, số lượng lớn của các quốc gia không giáp biển, và vô số những kinh tế thuộc loại nhỏ. Chi phí đáp ứng nhu cầu cơ sở hạ tầng của châu Phi được ước tính do Foster và Briceño-Garmendia (2010) là 93 Tỷ US\$ một năm (khoảng 15 phần trăm GDP của châu Phi), khoảng hai phần ba của chi phí dùng vào đầu tư, và một phần ba để bảo trì. Khoảng phân nửa vốn đầu tư vào sản xuất năng lượng được các doanh nhân của Hạ-Sahara thuộc Phi Châu báo cáo coi như là một trở ngại rất nghiêm trọng song song với quyền tiếp cận dịch vụ tài chính. Nếu những lợi ích có hiệu quả mà không được khai thác đầy đủ thì có thể phải kéo dài tới 30 năm (Foster and Briceño-Garmendia 2010).

Cuộc nghiên cứu của chúng tôi cho thấy các nước có thu nhập thấp đang đối diện với vòng luẩn quẩn của sự nghèo đói lan tràn và mức độ công nghiệp hóa thấp, vì vậy những chính sách kinh tế mở rộng do Washington Consensus đề nghị không thể vượt qua được tính trì trệ làm cản trở sự tiến bộ. Hơn nữa, bởi vì những hạn chế ràng buộc khác nhau dao động theo khu vực và quy mô doanh nghiệp, các chính sách kinh tế mở rộng thậm chí không có hiệu quả trong việc giải quyết các khó khăn.

MỘT PHƯƠNG PHÁP MỚI

Những gì mà những nền kinh tế này cần đến đó là sự tập trung đưa vào những phần tử mới của sự tiến bộ và tăng trưởng ngay khi phần lớn của nền kinh tế không hữu hiệu. Không có sự đột phá này, các nước nghèo khó có thể loại trừ được sự nghèo nàn triền miên và giới hạn trong công nghiệp hóa. Mục tiêu được đặt ra trong sự phát triển công nghiệp nhẹ -đặc biệt là, sự tiêu thụ hàng hóa sản xuất bằng cách sử dụng những yếu tố sản xuất rẻ trong vốn cố định cũng như kỹ thuật và việc sử dụng rộng rãi nhân công không tay nghề hoặc có tay nghề không thành thạo là một điểm nhập rất hứa hẹn trong việc tăng nhanh tiến trình công nghiệp hóa và sự phồn thịnh của các nước có thu nhập thấp. Cuộc nghiên cứu của chúng tôi với chủ đề Công Nghiệp Nhẹ Tại Phi Châu: Những Chính Sách Với Mục Tiêu Nhằm Thúc Đẩy Đầu Tư Tư Nhân Và Tạo Công Ăn Việc Làm Tại Châu Phi (Dinh and others 2012). *Light Manufacturing in Africa: Targeted Policies to Enhance Private Investment and Create Jobs* (Dinh

and others 2012)

Có đề nghị một khuôn mẫu nhằm áp dụng vào những chính sách được đặt mục tiêu để thúc đẩy đầu tư tư nhân và tạo công ăn việc làm trong các quốc gia có thu nhập thấp.

Phương pháp mà chúng tôi đề nghị đó là sự nhận ra và khắc phục những bế tắc trầm trọng liên quan đến tăng trưởng trong hầu hết các lĩnh vực có triển vọng, và đưa vào những hòn đảo của thành công theo thứ tự mỗi lần một hòn đảo. Phương pháp trên dựa vào công trình nghiên cứu của Hausmann, Rodrik và Velasco (2005) khi hình dung sự phát triển là một quy trình liên tục trong việc định rõ những hạn chế nhiều mặt đưa đến sự giới hạn trong tăng trưởng, thiết lập công thức, và thực hiện những chính sách nhằm giải tỏa sự trì trệ, bảo đảm những tiến bộ tối thiểu trong thực hành, và từ đó làm mới lại bằng cách nhận dạng và đẩy lùi những yếu tố gây nên giới hạn vào việc khuếch trương trong môi trường mới. Sự việc này cũng thích hợp với sự tiếp cận cấu trúc kinh tế mới, xem sự phát triển kinh tế như là một tiến trình yêu cầu sự giới thiệu kỹ thuật mới và hiện đại hơn trong các công nghiệp có sẵn và sự cải tiến các công nghiệp cần lao động- và nguyên liệu nhiều đến những ngành công nghiệp mới và nặng vốn hơn.

Theo Hausmann, Rodrik và Velasco, phương pháp của chúng tôi sự phát triển bắt đầu ở nơi nào đó, nhưng không phải ở mọi nơi. Tại Phi Châu cũng như Trung Quốc, áp dụng giới hạn việc cung cấp vốn và nhân viên hành chánh để thực hiện cải cách đóng một vai trò hứa hẹn trong việc thiết lập những cụm sản xuất mới, công ăn việc làm, và cuối cùng là khâu sản xuất không cần giải quyết trước những vấn đề kinh tế phức tạp trong việc thu hồi đất, cơ quan phục vụ công cộng, thiếu tay nghề, thiếu hụt hành chánh và tương tự.

Các yếu tố Của Sự Thành Công Trong Các Nước Đang Phát Triển

Trong một cuốn sách gần đây (Dinh và những người khác 2013), chúng tôi đã rút ra năm bài học từ Trung Quốc và các nước Đông Á khác trong việc phát triển lĩnh vực công nghiệp nhẹ để tạo ra công ăn việc làm và sự phồn thịnh. Năm bài học đó bao gồm:

Thiết Lập Một Môi Trường Thuận Lợi Cho Việc Sản Xuất

Môi trường này nên bao gồm một chính phủ *tích cực hỗ trợ* những doanh nhân tư nhân.

Một trong những hành động chính thức và khả thi đó là nhận được sự tán thành mạnh mẽ từ quần chúng về chính sách của những lãnh đạo quốc gia tạo thuận lợi cho sự tăng trưởng và phát triển trong lĩnh vực tư nhân như là một điểm then chốt của sự ưu tiên của chính phủ, trong đó bao gồm sự ổn định của đại kinh tế, chấm dứt hợp tác xã công-tư, và các chính sách tương thức động lực công nghiệp.

Lấp Đầy Khoảng Trống Kiến Thức Và Tài Chánh Qua Đầu Tư Trực Tiếp Từ Ngoại Quốc Và Các Mạng Lưới

từ sự bắt đầu chính sách mở cửa của nền kinh tế Đông Á, trong đó mang đến sự giảm bớt rào cản thương mại và đầu tư tư nhân từ nước ngoài, ngành công nghiệp trong nước và các thị trường được hưởng lợi từ một dòng kiến thức, vốn, thông tin thị trường từ nước ngoài. Trong nhiều trường hợp, lấp đầy khoảng trống kiến thức thậm chí còn quan trọng hơn lấp đầy khoảng trống tài chính.

Chính Sách Sử Dụng Phương Pháp Thay Thế Và Trình Tự

Thành công trong phát triển kinh tế thường xảy ra bất chấp điểm yếu về cấu trúc và xây dựng. Mọi người có thể sử dụng hoặc phát minh ra công cụ để giúp đối phó với các khó khăn ràng buộc cụ thể mà họ phải đối mặt. Như các nhà kinh tế Alexander Gerschenkron (1962) và Albert Hirschman (1984) nhấn mạnh, sự khéo léo của con người có thể đưa những thay thế khả thi vào việc thiếu điều kiện tiên quyết quan trọng trong tăng trưởng nhanh. Như vậy, Nhật Bản đã phát minh ra công ty thương mại để kinh tế hóa kiến thức giới hạn của người nội địa về ngoại ngữ và chuyên môn nước ngoài.

Bắt Đầu Từ Những Hàng Hóa Đơn Giản Và Nhân Rộng Hoặc Giảm Thiểu

Bắt đầu từ sự đơn giản là một ý nghĩa rất quan trọng được sử dụng trong các thương gia thuộc các nước Đông Á nhằm để vượt qua sự bế tắc

tài chính. Chúng tôi có cho vào tài liệu về kỹ nghệ hoa cát cảnh của nước Ethiopia, khi mới khởi nghiệp vào năm 2000 chỉ vốn vụn có 7 héc-ta (Dinh & Otherrrs 2013). Sự kinh doanh tức khắc được sinh lãi, và đến năm 2007 công nghệ này được nhân rộng ra tới 700 héc-ta, một mức gia tăng kinh khủng.

Thiết Lập Những Hòn Đảo Của Thành Công

Các quốc gia có thu nhập thấp nên được tập trung khởi xướng đưa những phần tử của sự phồn thịnh vào và cho phép công nghiệp hóa mà không cần dựa vào phát triển hạ tầng cơ sở hoặc cải cách cấu trúc rộng rãi hơn.

Một ví dụ tích cực về mô hình này có thể được thấy trong ví dụ về hoa cát cảnh như được nhắc đến ở phần trên. Ví dụ này của Ethiopia làm nhớ lại sự khởi xướng của Trung Quốc trong 15 năm qua, khi chính phủ thiết lập 4 tiểu khu kinh tế đặc biệt như là một thí điểm trong kinh tế thị trường. Những khu này được lợi nhờ chính sách hỗ trợ cho phép các công ty cạnh tranh tư nhân vượt qua một loạt rào cản và kiểm soát. Thành công của những khu kinh tế này đã giúp Trung Quốc khởi động lĩnh vực sản xuất quy mô hơn. Cả hai sự khởi xướng của Trung Quốc và Ethiopia minh họa một hiện tượng không phải bao giờ cũng được mang ra bàn cãi: cải cách những công nghiệp đặc trưng hoặc những địa điểm đặc trưng có thể tạo ra những hòn đảo thành công trong một nền kinh tế nói cách khác là hấp hối. Và với thành công này theo sau là thành công khác, nền kinh tế tổng quát có một tác dụng rất có ý nghĩa. Không có gì trong những biện pháp của chính sách này có thể được khởi xướng và thực hiện đơn phương chỉ trong vào lĩnh vực tư nhân, vì thế nên cần có sự can thiệp chọn lọc của chính phủ trên bất cứ những cải cách kinh tế quy mô nào.

Cân Nhắc Môi Trường Công Nghiệp Nhẹ (LM). Như trên, công nghiệp nhẹ có tiềm năng nâng hàng triệu người thoát khỏi đói nghèo nhanh chóng bằng cách cung cấp cho họ công ăn việc làm có hiệu quả và cho phép họ kiếm được một cuộc sống khá và duy trì lòng tự trọng và phẩm giá của họ. Tuy nhiên, tác động mang lại lợi ích kinh tế của công nghiệp nhẹ không nên đạt được bằng cách phải trả một giá dẫn

đến sự suy thoái về an toàn lao động và môi trường. Sự cố đáng tiếc xảy ra vào tháng 5 năm 2005 tại Bangladesh nơi các xưởng may hoạt động trong một toà nhà không an toàn bị sập làm cho hàng trăm công nhân bị thiệt mạng nhắc nhở chúng ta về tầm quan trọng của sự an toàn trong lao động. Tương tự, ô nhiễm nghiêm trọng trong không khí và nước tại Trung Quốc và tác động của chúng đối với tuổi thọ làm nổi bật tầm quan trọng của sự quan tâm đặc biệt đến môi trường trong sự phát triển kinh tế.

Trong khi ngành sản xuất công nghiệp nhẹ nói chung có tác động ít nhất đến môi trường so với ngành công nghiệp nặng khác như thép, xi măng, một số sản phẩm như thuốc da yêu cầu đặc biệt xử lý chất thải, hoàn toàn phù hợp với việc bảo vệ môi trường.

Ô nhiễm không khí từ việc đốt nhiên liệu hóa thạch như than đá và dầu không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng không khí địa phương nhưng đang gây ra sự nóng lên toàn cầu. Để cân bằng tăng trưởng kinh tế cùng với việc bảo vệ môi trường và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, một chiến lược phát triển bền vững thực sự cần tập trung không chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại, mà còn nghĩ đến ảnh hưởng của sự phát triển hiện nay đến thế hệ tương lai như thế nào. Báo cáo Brundtland định nghĩa phát triển bền vững là “sự phát triển đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không làm hư hại đến khả năng ảnh hưởng đến thế hệ tương lai để đạt nhu cầu của chính họ “và nhấn mạnh ba thành phần cơ bản để phát triển bền vững, đó là bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội (WCED 1987).

Thúc đẩy phát triển bền vững, đó là một phần của MDG của Liên Hợp Quốc, có thể giúp xác định mức độ tăng trưởng kinh tế và mở rộng ra để xem xét tác động môi trường. Giới hạn nghiêm ngặt có thể được áp dụng thông qua các quy định được thiết kế để bảo vệ sức khỏe người lao động và sự an toàn cũng như môi trường tự nhiên. Các quy định này cần được phát triển dựa vào sự tập trung ý kiến từ tất cả các bên liên quan, ví dụ như những người hữu quan, cơ quan chính phủ và công chúng nói chung. Trong ngành công nghiệp được biết là bao giờ cũng có tác động đến môi trường, trước khi cấp giấy phép hoạt động, cơ quan chính phủ nên yêu cầu cơ quan phụ trách đánh giá môi trường (EA)

hoặc là cơ quan Báo Cáo Tác Động Môi Trường (Environmental Impact Statement) (EIS) cho một dự án lớn. Những tài liệu này được thiết kế để vạch ra trước bất kỳ hệ lụy đáng kể nào của dự án. Họ cũng nên có biện pháp để giảm thiểu bất kỳ tác động đáng kể. Một lần nữa, công chúng phải được tích cực tham gia trong suốt quá trình đánh giá môi trường EA / Báo Cáo Tác Động Môi Trường EIS.

Một số người có thể xem yêu cầu xem xét môi trường này như là một trở ngại cho tăng trưởng kinh tế. Nhưng, bằng cách tiết lộ trước bất kỳ tác động đáng kể nào, đồng nghĩa với sự dễ dàng hơn và rẻ hơn để sửa chữa các vấn đề xảy ra hiện tại với những gì xảy ra trong những năm tới. Ví dụ, đòi hỏi một nhà máy chế biến thực phẩm xử lý nước thải trước khi xả vào một con sông gần đó là dễ dàng hơn và ít tốn kém hơn so với việc xử lý một con sông bị ô nhiễm sau đó. Đây rõ ràng là trường hợp phòng bệnh tốt hơn chữa bệnh!

Tính Kiên Định Trong Công Nghiệp Nhẹ Theo Lời Phật Dạy

Trong bài kinh Tứ Diệu Đế của ngài, Đức Phật dạy rằng đời là bể khổ, khổ đau do cầu bất thành, và loại trừ những điều mong muốn này đồng nghĩa với việc loại trừ khổ đau. Theo ba Chân Lý này, thì Chân Lý thứ tư là con đường dẫn đến sự giải thoát khổ đau.

Phương pháp này được diễn giải tỉ mỉ hơn trong Bát Chánh Đạo, trong đó bao gồm tám điều thực hành đặt trọng tâm vào ba lĩnh vực: (1) Yêu cầu cư xử Đạo Đức trong giao tiếp với người khác trong xã hội (2) Tinh : cung cấp hỗ trợ tinh thần cho Đạo Đức, (3) Giác Ngộ là trạng thái đạt đến một trí tuệ hoàng hảo nhất nhằm để giải thoát khổ đau.

Việc thực hành Bát Chánh Đạo được chi phối bởi hai nguyên tắc xen lẫn nội tại giữa Trung Đạo và Từ Bi. Con đường Bát Chánh Đạo phải được thực hiện theo tinh thần Trung Đạo bằng cách tránh những cực đoan, như Đức Phật phát hiện ra rằng việc thực hành hoặc theo chủ nghĩa khoái lạc hoặc theo chủ nghĩa khổ hạnh không thể dẫn đến sự giải thoát khỏi khổ đau. Sự giải thoát phải cân bằng giữa cơ thể vật lý và tinh thần. Cơ thể phải có bốn nhu cầu cơ bản của thực phẩm, quần áo, chỗ ở và chăm sóc sức khỏe, có thời gian cần thiết để theo đuổi tâm linh. Sự có sẵn một công việc hợp lý sẽ đáp ứng được những nhu

cầu cơ bản thông qua thu nhập, đồng thời góp phần giảm bớt nghèo đói. Do đó việc thực hành con đường Bát Chánh Đạo có thể đề cao phẩm giá của con người. Hơn nữa, việc thực hành Bát Chánh Đạo cũng nên được hướng dẫn theo nguyên tắc của lòng từ bi và đồng cảm tích cực để giúp tất cả chúng sinh, đặc biệt là người nghèo vô điều kiện và không phân biệt đối xử. Ở mức độ cuộc sống hàng ngày, từ bi nên đảm bảo phúc lợi kinh tế của xã hội toàn diện, bao gồm cả sự hài lòng hợp lý của bốn nhu cầu cơ bản và giảm sự chênh lệch thu nhập trong khi những người giàu có trách nhiệm giúp đỡ họ đạt được bốn nhu cầu cơ bản. Ở gốc độ tâm linh, lòng từ bi tuyệt đối là sự thực hành theo hạnh nguyện Bồ Tát, theo đó một vị Bồ Tát nguyện sẽ giải thoát tất cả chúng sinh, bao gồm cả người và súc sinh, khỏi đau khổ.

Có thể thấy được rằng, bằng cách tạo ra việc làm cho người dân, đặc biệt là đối với lao động không lành nghề và bán lành nghề, phù hợp với vai trò trọng tâm và phẩm giá của con người như trong giáo lý Phật giáo trong một số lý do. Đầu tiên, công nghiệp nhẹ tập trung vào các trọng tâm của con người, cũng như Tứ Diệu Đế mà xem con người là phương tiện cuối cùng để giải thoát khỏi đau khổ. Thứ hai, công nghiệp nhẹ công nhận phẩm giá của con người, như Đức Phật dạy rằng mọi người đều có Phật tính và có thể trở thành Phật.

Do đó, tất cả những gì thuộc chân giá trị nội tại, đều bình đẳng, và tất cả đều xứng đáng được tôn trọng như nhau (Kinh Pháp Hoa). Thứ ba, công nghiệp nhẹ phù hợp với nhu cầu của lòng Từ Bi để giúp tất cả mọi người giảm bớt khổ đau. Về vấn đề này, công nghiệp nhẹ đảm bảo phẩm giá của người làm việc, chỉ đơn thuần người ấy có công việc, họ có thể chăm sóc bản thân, gia đình, và đóng góp cho xã hội mà họ là một thành viên sản xuất. Thứ tư, tập trung vào việc tạo công ăn việc làm cũng phù hợp với giáo lý Phật Giáo vào việc giảm sự chênh lệch thu nhập bằng cách nhấn mạnh nghĩa vụ của người giàu là giúp đỡ người nghèo. Thứ năm là phù hợp với ẩn ý của Đức Phật trong việc khuyến khích để tạo công ăn việc làm. Trong Kutadanta, Đức Phật khuyến khích việc phân phối hạt giống cho nông nghiệp, thức ăn cho gia súc, và vốn cho thương mại (xem Kutadanta Kinh có tại: http://tipitaka.wikia.com/wiki/Kutadanta_Sutta) Điều này tương đương với

việc cung cấp điều kiện sản xuất (vốn, công nhân, đất,...) vào cho các hoạt động kinh tế sản xuất cần nhiều lao động, dẫn đến việc tạo công ăn việc làm nhiều hơn. Cuối cùng, công nghiệp nhẹ là phù hợp với chánh mạng thuộc Bát Chánh Đạo liên quan đến công việc được tạo ra, nghĩa là, nó phải được tạo ra hợp pháp, trung thực, không có bạo lực và không gây tác hại cho người khác.

Trong công nghiệp nhẹ, bằng cách tạo ra công ăn việc làm đồng nghĩa với việc tạo thu nhập, vì vậy dẫn đến việc trực tiếp giảm nghèo. Sự việc này là phù hợp với giáo lý Phật giáo vì nghèo cho nên mới khổ đúng với Đế thứ nhất của Tứ Diệu Đế, vì thế để xóa đói giảm nghèo là góp phần giảm bớt đau khổ. Điều này phù hợp với Đế thứ 3 của Tứ Diệu Đế về việc loại bỏ các nguyên nhân gây ra đau khổ. Hơn nữa, khả năng xóa đói giảm nghèo của công nghiệp nhẹ phù hợp với tinh thần của Trung Đạo nếu xét đến nhu cầu liên quan đến cơ thể vật lý và tinh thần trong việc sử dụng tiền thu nhập từ việc làm. Thu nhập cung cấp các phương tiện để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cơ thể về thực phẩm, chỗ ở, quần áo và chăm sóc sức khỏe trong khi đó tạo cơ sở cho việc có một môi trường thoải mái và nhiều thời gian hơn để theo đuổi nhu cầu tâm linh thông qua việc thực hành Bát Chánh Đạo để loại bỏ nghèo đói. Nghèo đói phải được giảm để ngăn chặn việc suy thoái xã hội, chẳng hạn như hành vi vô đạo đức, bao gồm cả việc trộm cắp, bạo lực và mang lại bình yên cho xã hội. Khả năng của hành vi vô đạo đức sẽ được thảo luận trong kinh Sur Tū Hōng (Roar Lion) (bài kinh - sihanada Kinh tại http://tipitaka.wikia.com/wiki/Cakkavattisihanada_Sutta) và của bạo lực và trộm cắp, trong Kinh Trường Bộ (The Long Discourses, 396-405) (Dīgha - Nikāya iii 65 ff).

Vai Trò Của Chính Phủ

Vai trò của công nghiệp nhẹ được mang ra thảo luận nơi đây kêu gọi vai trò của một chính phủ tích cực trong việc tìm biện pháp để loại trừ những hạn chế ràng buộc cụ thể trong lĩnh vực phát triển và việc tạo ra một môi trường thuận lợi cho các hoạt động cần sử dụng nhiều lao động. Trách nhiệm để tạo ra một môi trường thuận lợi trong kinh tế là phù hợp với giáo lý Phật giáo về vai trò của nhà vua. Ví dụ, trong kinh Nīṭisastra khi vua Udayana hỏi Đức Phật làm thế nào để lãnh đạo quốc

gia, Đức Phật trả lời rằng nhà vua phải: i) quản lý nền kinh tế thế nào để mang đến phúc lợi cho người dân để mọi người sẽ không phải lo lắng về các nhu cầu cơ bản của cuộc sống, đó là đói, quần áo, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh, ii) đảm bảo công bằng về mặt pháp lý để duy trì trật tự xã hội; iii) duy trì đạo đức cao, trung thực, và tôn trọng luật pháp và khen thưởng những công chức theo khả năng và công lao của họ. Chỉ chừng đó thì chính phủ sẽ nhận được sự ủng hộ của người dân và có được một sự yên ổn lâu dài.

TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU

- Chenery, Hollis B., và Moshe Syrquin. 1975. *Patterns of Development (Mô Hình Phát Triển)*, 1950–1970. Oxford: Oxford University Press.
- Clarke, George R. G. 2012. “Manufacturing Firms in Africa.”(Những Công Ty Sản Xuất Tại Phi Châu) In *Performance of Manufacturing Firms in Africa: An Empirical Analysis*, edited by Hinh T. Dinh and George R. G. Clarke, 47–86. Washington, DC: World Bank.(Đặc Tính Sản Xuất Của Các Công Ty Tại Phi Châu:Phân Tích Dựa Trên Thực Nghiệm,Xuất Bản do Hinh T. Dinh và George R. G. Clarke, 47–86. Washington, DC: Ngân Hàng Thế Giới
- Collier, Paul. 2007. *The Bottom Billion*. Oxford: Oxford University Press.
- Daily Independent. 2013. “Post MDGs: Jobs Creation Will Bring Development, Says ILO Boss.”April 9, Lagos.<http://dailyindependentnig.com/2013/04/post-mdgs-jobs-creation-will-bring-development-says-ilo-boss/>.
- Daily Independent. 2013. “Post MDGs: Jobs Creation Will Bring Development, Says ILO Boss.” April 9, Lagos. <http://dailyindependentnig.com/2013/04/post-mdgs-jobs-creation-will-bring-development-says-ilo-boss/>.(Nhật Báo Daily Independent 2013.”Hậu Mục Tiêu Thiên Niên Kỷ :Tạo Công Ăn Việc Làm dẫn Đến Phát Triển, ILo Boss nói.”)
- Dinh, Hinh T., Vincent Palmade, Vandana Chandra, and Frances Cossar. 2012. *Light Manufacturing in Africa: Targeted Policies to Enhance*

- Private Investment and Create Jobs*. Washington, DC: World Bank.
<http://go.worldbank.org/ASG0J44350>.
- (Dinh, Hinh T., Vincent Palmade, Vandana Chandra, and Frances Cossar. 2012. *Công Nghiệp Nhẹ Tại Phi Châu: Những Chính Sách Chọn Lọc Tăng Cường Đầu Tư Tư Nhân Và Tạo Việc Làm* “
- (Dinh, Hinh T., Thomas G. Rawski, Ali Zafar, Lihong Wang, & Eleonora Mavroeidi. 2013. *Những Kinh Nghiệm Từ Các Nước Phát Triển: Làm Thế Nào Trung Quốc và Các Nước Khác Khai Thác Công Nghiệp Nhẹ Để Tạo Việc Làm và Sự Phồn Thịnh*.” Với Xin Tong và Pengfei Li. Washington, DC: Ngân Hàng Quốc Tế.
- Foster, Vivien, and Cecilia Briceño-Garmendia, eds. 2010. *Africa's Infrastructure: A Time for Transformation*. Africa Development Forum Series. Washington, DC: World Bank.
- (Foster, Vivien, và Cecilia Briceño-Garmendia, eds. 2010. *Hạ Tầng Cơ Sở Phi Châu : Thời Kỳ Chuyển Đổi*. Chuỗi Diễn Đàn Phát Triển Phi Châu. Washington, DC: Ngân Hàng Quốc Tế
- Fukuda-Parr, Sakiko. 2013. “MDG Strengths as Weaknesses.” GREAT insights 2 (3) (April). http://www.ecdpm.org/Web_ECDPM/Web/Content/Navigation.nsf/index2?readform&http://www.ecdpm.org/Web_ECDPM/Web/Content/Content.nsf/0/89266FE919B48FD2C1257B35003C5684?OpenDocument.
- (Fukuda-Parr, Sakiko. 2013) “Mục Tiêu Thiên Niên Kỷ: Những Nhược Điểm và Yếu Điểm “Những Tư Tưởng Vĩ Đại 2(3))
- Gerschenkron, Alexander. 1962. “Reflections on the Concept of ‘Prerequisites’ in Modern Industrialization.” In *Economic Backwardness in Historical Perspective*, edited by Alexander Gerschenkron, 31–51. New York: Praeger.
- (Gerschenkron, Alexander. 1962. “Phản Ảnh về Quan Niệm của những điều “Tiên Quyết “trong Công Nghiệp Hóa Hiện Đại.” *Tình Trạng Kinh Tế Lạc Hậu Trong Quan Niệm Lịch Sử* “do Alexander Gerschenkron, 31–51. New York: Praeger.)
- Gore, Charles. 2010. “The MDG Paradigm, Productive Capacities, and the Future of Poverty Reduction.” *IDS Bulletin* 41 (1): 70–79.

(Gore, Charles. 2010” *Mô Hình Bản Tuyên Ngôn Mục Tiêu Thiên Niên Kỷ, Năng Lực Sản Xuất và Sự Giảm Nghèo Cho Tương Lai.*” IDS Bulletin 41)

Hausmann, Ricardo, Dani Rodrik, and Andrés Velasco. 2005. “Growth Diagnostics.” John F. Kennedy School of Government, Harvard University, Cambridge, MA.<http://www.hks.harvard.edu/fs/rhausma/new/growthdiag.pdf>.

(Hausmann, Ricardo, Dani Rodrik, and Andrés Velasco. 2005.”*Việt Nam: Đoán Tăng Trưởng* “

Trường của Chính Phủ (chuyên ngành chính sách công cộng và quản lý công cộng thuộc trường John F. Kennedy của Đại Học Harvard) John F. Kennedy, Đại Học Harvard, Cambridge.

Hirschman, Albert O. 1984. “A Dissenter’s Confession: ‘The Strategy of Economic Development’ Revisited.” In *Pioneers in Development*, edited by Gerald M. Meier and Dudley Seers, 87–111. Washington, DC: World Bank; New York: Oxford University Press.

(Hirschman, Albert O. 1984 “*Một Sự Thù Nhận Của Người Bất Đồng :Chiến Lược Phát Triển Kinh Tế Được Tái Kiểm Tra “Trong Tiên Phong và Trong Phát Triển, do Gerald M. Meier và Dudley Seers, 87–111. Washington, DC: Ngân Hàng Quốc Tế; New York)*

ILO (International Labour Organization). 2012. “Decent Work and the MDGs.” September, ILO, Geneva.http://www.ilo.org/integration/themes/dw_mainstreaming/WCMS_189357/lang--en/index.htm

ILO (Tổ Chức Lao Động Quốc Tế).2012.”*Việc Làm Thỏa Đáng và Mục Tiêu Thiên Niên Kỷ.*” Tháng 9, Tổ Chức Lao Động Quốc Tế Geneva.